TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phc**
Số: **103**/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 25 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Đình Ph, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn B, xã B1, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm 1984;
Địa chỉ: CHCC4536 CT12C K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Đình Ph và chị Trần Thị TH.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/12/2001 cho anh Phạm Đình Ph và chị Trần Thị Th không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Các đương sự xác định có 02 con chung tên là Phạm Hồng Nh và Phạm Thu H, cùng sinh ngày 26/8/2002. Hiện tại con chung đều đã trưởng thành, có công việc riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về con riêng: Các đương sự xác định cháu Trần Việt A, sinh ngày 29/3/2023 (theo giấy chứng sinh) là con riêng của chị Trần Thị Th nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Đình Ph tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000587 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 11/4/2024), trả lại anh Ph số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Trần Thị Th không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

Hoàng Thị Minh Ngọc